

NHU CẦU ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ TDTT TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Trà Giang¹, Nguyễn Thanh Phong², Trần Gia Vượng³

^{1,3}Trường Đại học Quản lý và Công nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh (UMT)

²Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH)

Tóm tắt: Thể thao là một thành phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia và ngành Quản lý thể dục thể thao có vai trò là công cụ hỗ trợ quan trọng trong hoạt động quản lý và phát triển nền công nghiệp thể thao. Do đó, để đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho lĩnh vực thể dục thể thao sắp tới của Việt Nam và phù hợp xu hướng phát triển về thể thao của các nước tiên tiến trên thế giới, ngành Quản lý thể dục thể thao trình độ đại học nên được đào tạo với 3 chuyên ngành: 1/Quản lý thể thao và Fitness, 2/Quản lý thể thao và sự kiện, 3/Quản lý và kinh doanh thể thao.

Từ khoá: Nguồn nhân lực, Ngành Quản lý thể dục thể thao, Trình độ đại học

Abstract: Sport is an important component of the socio-economic development of a country and sport management plays an importantly supporting role in the management and development of the sport industry. Therefore, in order to meet the demand of human resources for the future of sport sector in Vietnam and to suit to the developing of sport trend of the developed and developing countries in the world, the Sport management program for undergraduate degree in Vietnam should be built with 3 main majors: 1/Sport and Fitness Management, 2/Sport and Event Management, and 3/Sport Business Management.

Keywords: Human resources, Sport management program, Undergraduate degree

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành Quản lý Thể dục thể thao trên thế giới

Ngành thể thao là một trong những ngành phát triển nhanh nhất trên thế giới và nhu cầu tuyển dụng nhân sự cho các sự kiện thể thao lên đến hàng triệu người và sự kiện thể thao được xem và theo dõi trên khắp thế giới từ các giải thi đấu nghiệp dư đến chuyên

nghiệp. Do vậy, sự phát triển và chuyên nghiệp hóa thể thao đã dẫn đến những thay đổi trong việc tiêu thụ, sản xuất và quản lý các sự kiện và tổ chức thể thao ở mọi cấp độ từ nghiệp dư đến chuyên nghiệp, từ trong nước đến quốc tế. Các quốc gia có nền kinh tế mới nổi như Brazil, chủ nhà của giải thi đấu Bóng đá Vô địch thế giới 2014 (World Cup 2014) và Thế vận hội Olympic mùa hè 2016 (Olympic Summer Games 2016), ngày càng coi thể thao là phương tiện thúc đẩy đầu

tur vào cơ sở hạ tầng, để quảng bá đất nước của họ ra thế giới nhằm kích thích thương mại, du lịch và đầu tư, và để khơi dậy lòng tự hào dân tộc [1].

Theo đó, ngành học Quản lý thể dục thể thao (TDDT) đã phát triển vượt bậc cùng với ngành thể thao trong 50 năm qua kể từ khi chương trình quản lý thể thao đầu tiên tại Đại học Ohio (Hoa Kỳ) được thành lập vào năm 1966 [2]. Tại Úc, ngành Quản lý TDDT là ngành học cũng đã và đang rất phát triển kể từ khi có chương trình Quản lý TDDT đầu tiên được giới thiệu và cấp bằng vào năm 1991. Kể từ năm 2004, tại Úc đã có 37 trường đại học công lập và 2 trường đại học tư thục, 10 cơ sở đào tạo cấp bằng cử nhân toàn thời gian về quản lý TDDT. Sự quan tâm và nhu cầu học về chuyên ngành quản lý TDDT của sinh viên tiếp tục tăng liên tục trong khi khoa học thể thao đang giảm dần [3]. Sự phát triển này đã làm tăng nhu cầu đào tạo của lĩnh vực thể thao chuyên nghiệp trên khắp thế giới, và các vị trí nghề nghiệp về quản lý TDDT đã nhận được nhiều sự quan tâm của ngành thể thao. Do vậy các trường đại học trên khắp thế giới đã cố gắng phát triển không ngừng nghỉ các chương trình giảng dạy về quản lý TDDT ở bậc đại học và sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu mang tính chuyên nghiệp cho các sinh viên và học viên ở chuyên ngành quản lý TDDT [4].

Tương tự như vậy, thể thao đóng một vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của người dân khắp các nước ở Châu Á khi nhiều môn thể thao khác nhau đang phát triển ở các trường học ở châu Á, đặc biệt là các sự kiện thể thao lớn ngày càng được tổ chức nhiều tại Châu Á và thu hút rất đông khán giả trên toàn thế giới. Do đó, thể thao không còn là

một sự kiện nghiệp dư nữa, nó đã trở thành một ngành công nghiệp toàn diện. Thể thao có thể tuyển dụng hàng trăm nghìn người và duy trì sinh kế của hàng triệu người trên toàn cầu và để thực hiện thành công điều này, nó phải được quản lý. Do vậy trong những năm gần đây, số lượng các cơ sở giáo dục đại học về quản lý TDDT đã phát triển trên khắp thế giới, số lượng các chương trình quản lý TDDT đã tăng từ 20 chương trình vào năm 1980 và lên hơn 200 chương trình vào năm 2000 ở Bắc Mỹ. Chỉ riêng tại Hoa Kỳ đã có hơn 300 chương trình Quản lý TDDT được cấp bằng [5]. Đặc biệt hơn với sự phát triển và sự quan tâm của xã hội đến thể thao dẫn đến sự công nhận quản lý TDDT như một nghề nghiệp mang xu hướng quốc tế hoá. Kết quả là trên khắp Hoa Kỳ, hằng năm có khoảng 24.000 sinh viên đại học đang học chuyên ngành quản lý TDDT. Trong năm 2014, có 429 chương trình quản lý thể thao bậc đại học, 253 chương trình thạc sĩ và 40 chương trình tiến sĩ ở Úc, Canada, Trung Quốc, Ấn Độ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Châu Phi. Đặc biệt, có hơn 20 cơ sở giáo dục của Trung Quốc cung cấp bằng chuyên ngành Quản lý TDDT vào năm 2015 [6].

2. Nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành Quản lý Thể dục thể thao trình độ đại học tại Việt Nam

Hiện nay cả nước chỉ có 7 Trường đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý TDDT bao gồm: Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học TDDT TP.HCM, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh, Trường Đại học TDDT Đà Nẵng, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá và Trường Đại học Quản

lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (UMT). Trong đó Trường Đại học Tôn Đức Thắng đào tạo chuyên sâu vào Ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện, đa phần các môn học chuyên ngành tập trung vào các môn của quản lý sự kiện, không có nhiều môn của lĩnh vực Quản lý TDTT. Các Trường còn lại trong nhóm đào tạo sâu các lĩnh vực quản lý thể thao của nhà nước, quản lý thể thao thành tích cao, xã hội hoá thể thao, quản lý thể thao cho mọi người. Riêng Trường UMT lại đi sâu vào 3 chuyên ngành hẹp là 1/Quản lý thể thao và Fitness, 2/Quản lý thể thao và sự kiện, 3/ Quản lý và kinh doanh thể thao, hướng đi này mới và phù hợp với xu hướng phát triển thể thao tại Việt Nam cũng như thế giới.

Theo Vụ Đào tạo, Vụ Văn hoá, Thể thao và Du lịch [7], nhu cầu về nhân lực TDTT sẽ tăng cả về số lượng và chất lượng, cơ cấu phải hợp lý hơn theo yêu cầu của sự phát triển ngành văn hóa nghệ thuật, gia đình, thể dục thể thao và xu thế phát triển khoa học - công nghệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu, toàn diện và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Trong 10 năm tới, nhân lực ở cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp (kể cả đơn vị sự nghiệp có thu) và doanh nghiệp thuộc ngành TDTT cần thay đổi số lượng, chất lượng và cơ cấu, trong đó nhân lực khối doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu sẽ và cần tăng mạnh số lượng, nâng cao tay nghề, nhất là nhân lực hoạt động trong kinh doanh dịch vụ thể thao quần chúng và thể thao giải trí. Mức tăng trưởng thời gian vừa qua và xu hướng tăng sắp tới ước tính mức tăng trưởng bình quân khoảng 5% năm trong giai đoạn 2018-2020 và từ 12% đến 18% trong giai đoạn 2020-2025 và đến năm 2030.

Do vậy, lĩnh vực TDTT sắp tới cần nguồn nhân lực ngành TDTT có đủ năng lực đủ khả năng sáng tạo ra các sản phẩm có chất lượng, đạt kỷ lục thể thao quốc gia và quốc tế, thu hút nhiều nhà tài trợ, các đơn vị đầu tư trong lĩnh vực TDTT; có sức khoẻ tốt, phát triển toàn diện về trí tuệ, ý chí, năng lực và đạo đức, có năng lực tự học, tự đào tạo cao, năng động, chủ động, sáng tạo, có tri thức và kỹ năng làm việc toàn cầu, khả năng thích nghi nhanh chóng với môi trường không ngừng biến đổi; có bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm, tay nghề đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế tri thức của đất nước trong bối cảnh hội nhập sâu và toàn diện.

Ngành Quản lý TDTT có vai trò là công cụ hỗ trợ quan trọng trong hoạt động quản lý và phát triển nền công nghiệp thể thao, khi thể thao là một thành phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Việc tham gia tích cực vào các hoạt động thể thao giúp cải thiện sức khỏe và năng suất lao động, giảm chi phí y tế, rèn luyện tính kỷ luật, và tăng cường sự gắn kết xã hội. Đặc biệt là đảm bảo cho xã hội một môi trường khoẻ mạnh, không bệnh tật. Do đó, để đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho lĩnh vực TDTT sắp tới của Việt Nam và phù hợp xu hướng phát triển về thể thao của các nước tiên tiến trên thế giới, ngành Quản lý TDTT trình độ đại học nên được đào tạo với 3 chuyên ngành: 1/Quản lý thể thao và Fitness, 2/Quản lý thể thao và sự kiện, 3/ Quản lý và kinh doanh thể thao khi hiện nay trên thế giới số lượng câu lạc bộ và trung tâm Fitness đang rất phát triển, điều này chủ yếu là do ngày càng có nhiều người quan tâm đến fitness vì ý thức được việc nâng cao sức khỏe

và phòng ngừa bệnh tật [8]. Theo ước tính hiện nay có hơn 201.000 trung tâm Fitness trên khắp thế giới và có 174 triệu thành viên. Quy mô thị trường của ngành Fitness trên toàn thế giới nằm ở mức 8723 tỷ USD vào năm 2019. Tại Việt Nam, ngành công nghiệp Fitness có thể tăng trưởng với tốc độ trung bình 20% bình quân theo năm với quy mô thị trường khoảng 113 triệu USD và hiện đã có khoảng 640 trung tâm fitness theo cùng khảo sát của Nguyen [9], chưa kể các phòng Fitness lớn nhỏ tại các khách sạn và resort tiêu chuẩn 4, 5 sao khắp Việt Nam, con số này vượt qua Thái Lan, Indonesia, Singapore và Hongkong do vậy mỗi năm tại Việt Nam cần số lượng lớn nguồn nhân lực liên quan đến ngành Quản lý TDTT đặc biệt là Quản lý thể thao và Fitness.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ trong thị trường Fitness mang lại nhiều cơ hội đầu tư kinh doanh tiềm năng, bằng chứng là các tập đoàn lớn về Fitness như California Fitness, Elite Fitness, NShape Fitness, Golden Wellness Fitness, Jade Fitness,... đã, đang và có ý định mở rộng đầu tư lâu dài ở Việt Nam. Nhà đầu tư cần nguồn nhân lực được đào tạo chuyên nghiệp, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, có kiến thức chuyên về kinh doanh thể thao để có thể hỗ trợ trong các mảng bán hàng, marketing, tài chính hoặc truyền thông cho công việc kinh doanh.

Hơn nữa theo Parker [10], du lịch và sự kiện thể thao là một trong những mảng phát triển nhanh nhất trong ngành du lịch, ước tính có trị giá khoảng 800 tỷ USD trên toàn cầu. Tại Việt Nam, hình thức du lịch và tham gia vào sự kiện thể thao được biết đến nhiều nhất là marathon, đạp xe đạp, trekking, chèo thuyền kayak và leo núi, với nhiều cuộc thi cũng như sự kiện lớn được tổ chức hàng năm. Do vậy, các sự kiện này cần số lượng nguồn

nhân lực được đào tạo bài bản về quản lý thể thao và sự kiện, có kinh nghiệm trong việc tổ chức, điều hành, cũng như hỗ trợ người tham gia từ khâu vận chuyển, khách sạn, y tế, ăn uống cho tới các dịch vụ liên quan khác.

KẾT LUẬN

Cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp trong và ngoài nước trong lĩnh vực Quản lý TDTT đang mở ra tiềm năng to lớn cho sinh viên. Chính vì vậy đào tạo nhân lực Quản lý TDTT trình độ đại học là một nhu cầu rất cấp thiết hiện nay và mức cạnh tranh nghề nghiệp trong ngành Quản lý TDTT là rất thấp vì có quá ít trường đào tạo lĩnh vực này. Cử nhân Ngành Quản lý TDTT có nhiều cơ hội lựa chọn vị trí việc làm tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh thể thao; các công ty tổ chức sự kiện thể thao trong và ngoài nước; các Tổ chức phi chính phủ về thể thao, các trung tâm Fitness trung tâm thể thao giải trí; các khách sạn, resorts tiêu chuẩn 4-5 sao có các phòng tập Gym và khu thể thao giải trí trong và ngoài trời; các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp; câu lạc bộ thể thao của các trường học quốc tế, cơ quan báo chí truyền thông, v.v...

Vì vậy các Trường Đại học tại Việt Nam nên định hướng mở ngành Quản lý TDTT trình độ đại học và xây dựng chương trình đào tạo mang tính thực tiễn cao và mang tính quốc tế nhằm đáp ứng được nhu cầu và xu hướng tất yếu của thời đại hội nhập, đóng góp cho xã hội lực lượng lao động chất lượng cao có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện tại và tương lai, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường lao động Việt Nam trong việc thu hút và khai thác hiệu quả nguồn đầu tư nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoye, R., Smith, A. C.T., Nicholson, M., & Stewart, B. (2015). *Sport Management: Principle and Applications*. Routledge.
- [2]. Laird, C. (2005). The influence of sport management program characteristics on academicians' perceptions of NASPE-NASSM approval. *The SMART Journal*, 1(2), 4-13.
- [3]. Smith, A. C. T., & Westerbeek, H. M. (2004). Professional' Sport Management Education and Practice in Australia. *Journal of Hospitality, Leisure, Sport and Tourism Education* 3(2), 38-45.
- [4]. Tripathi, R. (2013). Sports Management: An Emerging field. *International Journal of Multidisciplinary Research in Social & Management Sciences* 1(1), 6-10.
- [5]. Chen, S., Adams-Blair, H., & Miller, A. (2013). Professional expectations of sport management students as related to academic curricular alignment support and preparation. *Universal Journal of Management* 1(3), 132-137.
- [6]. Zhang, J., Wang, J., Min, S. D., Chen, K. K., & Huang H. (2016). Influence of curriculum quality and educational service quality on student experiences: A case study in sport management programs. *Journal of Hospitality, Leisure, Sport & Tourism Education* 18, 81-91.
- [7]. Vụ Đào tạo, Vụ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. (13/9/2018). Nhu cầu nhân lực Thể dục thể thao đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. <http://daotao-vhttdl.vn/articledetail.aspx?articleid=619&sitepageid=628>
- [8]. Gough, C. (2021, September 23) [23/9/2021]. Market size of the global health club industry from 2009 to 2019. <https://www.statista.com/statistics/275035/global-market-size-of-the-health-club-industry/>
- [9]. Nguyen, M. N. (2021, June 3) [3/6/2021]. Sports and fitness in Vietnam - statistics & facts <https://www.statista.com/topics/5907/sports-and-fitness-in-vietnam/>
- [10]. Parker, R. (2019, April 4) [4/4/2019]. The Remarkable Growth Of Sport Tourism. <https://humankinetics.me/2019/04/04/the-remarkable-growth-of-sport-tourism/>